TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 24-9-2020
V/v: *Yêu cầu không công nhận vợ chồng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Đặng Ngọc Bình

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 về việc:*"Yêu cầu không công nhận vợ chồng"*.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2020/HNGĐ-ST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2020/QĐ-PT ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: ĐP 2 (Xóm G), Phường M, ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh V – Bị đơn.

(Anh V có mặt, chị B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh V quen nhau từ khoảng năm 2014 và phát sinh tình cảm, được sự đồng ý của hai bên gia đình nên chị và anh V có tổ chức đám cưới vào tháng 5/2017. Sau khi cưới, chị và anh V sống chung với nhau như vợ chồng cùng bố mẹ anh V, chị có đề nghị anh V đăng ký kết hôn thì anh V có nói do trục trặc giấy tờ nên chưa làm được. Bố mẹ anh V cũng trao đổi với chị nội dung như vậy. Khi sinh con là cháu Nguyễn Trương Trà M vào tháng 11/2017 và đi đăng ký khai sinh thì chị mới phát hiện trước đây anh V đã kết hôn với người khác nhưng chưa làm thủ tục ly hôn. Vì vậy cho đến nay chị và anh V vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình sống chung chị và anh V chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh V nghe lời gia đình, không có lập trường, không vun vén cho vợ con. Khoảng tháng 11/2019 do mâu thuẫn trầm trọng nên chị tự ý bỏ về gia đình bố mẹ ruột của chị tại huyện Bảo Lâm và sống ly thân với anh V cho đến nay. Nay chị đề nghị Toà án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh V.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh V thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh sống chung như lời của chị B trình bày là có phần đúng. Tuy nhiên, việc mâu thuẫn giữa anh và chị B là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, không đáng để chị B bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống. Nay chị B yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh đồng ý.

Về con chung: Chị B và anh V xác định trong thời gian sống chung với nhau thì hai người có 01 con chung là Nguyễn Trương Trà M, sinh ngày 12/11/2017. Cả chị B và anh V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh V đều xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại Bản án số 33/2020/HNGĐ-ST ngày 25/6/2020, Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Về quan hệ không công nhận vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Thanh V.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Trương Trà M, sinh ngày 12/11/2017 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án.

Ngày 30/6/2020 anh Nguyễn Thanh V có đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trương Trà M.

Tại phiên tòa hôm nay,

Anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh V. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Thanh V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và chị B có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*không công nhận vợ chồng*" là đúng pháp luật.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung: sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về con chung: Xét kháng cáo của anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung thì thấy rằng:

Chị B và anh V có 01 con chung là Nguyễn Trương Trà M, sinh ngày 12/11/2017. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị B và anh V là chính đáng. Cả chị B và anh V đều có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện cháu M còn rất nhỏ và là con gái nên rất cần thiết được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để cháu phát triển tốt cả về thể lực và trí tuệ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Tại giai đoạn sơ thẩm chị B và anh V đã không thỏa thuận được việc nuôi con nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án giao cháu M cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là đúng pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thanh V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung: sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Trương Trà M, sinh ngày 12/11/2017 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc của cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0017125 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị B đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0017687 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Anh V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LĐ (01);
- TAND TP. Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt